



## CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo	: THẠC SĨ
Định hướng	: NGHIÊN CỨU
Ngành	: QUẢN LÝ KINH TẾ
Mã ngành	: 60340410
Tên ngành (Tiếng Anh)	: ECONOMIC MANAGEMENT
Tên chuyên ngành	: Quản lý kinh tế
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: Economic Management
Mã chuyên ngành	: 6034041001
Hình thức đào tạo	: Tập trung toàn thời gian

### 1. Điều kiện đăng ký tuyển sinh

#### 1.1. Về văn bằng

- Danh mục các ngành đúng và phù hợp:

+ Các nhóm ngành thuộc nhóm Quản trị - Quản lý gồm: Quản lý kinh tế; Chính sách công; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý; Quản lý công nghiệp; Quản lý khoa học và công ngh...

- Danh mục các ngành gần:

+ Các ngành thuộc nhóm Kinh tế học, gồm: Kinh tế học, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế và quản lý công, Kinh tế quốc tế, Kinh tế thủy sản, Kinh tế xây dựng, Kinh tế giao thông, Kinh tế bưu chính viễn thông, Kinh tế vận tải biển, Thống kê kinh tế xã hội, Kinh tế chính trị ...;

+ Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh, gồm: Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại...;

+ Các ngành thuộc nhóm Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: Tài chính - Ngân hàng, Tài chính tín dụng, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm;

+ Các ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán: Kế toán và Kiểm toán;

+ Các ngành thuộc nhóm Thống kê, Tin học quản lý ...

- Danh mục các ngành khác:

+ Các ngành thuộc nhóm Luật, Quản lý đất đai, Xã hội học, Toán; *Ng*

- + Các ngành thuộc nhóm Nông - Lâm – Ngư;
- + Tất cả các ngành khác với các ngành đúng và ngành gần nêu trên.

## 1.2. Về thâm niên

Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học ngành đúng và phù hợp, thí sinh có bằng Đại học ngành gần (xác định ở mục 4.1) nếu đã học bổ sung kiến thức theo quy định thì không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn.

## 1.3. Bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển

- Thí sinh thuộc nhóm ngành đúng và phù hợp, không cần học bổ sung.
- Thí sinh thuộc nhóm ngành gần, phải học bổ sung các học phần theo bảng 1.

**Bảng 1: Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc nhóm chuyên ngành gần.**

STT	Môn học	Số TC
1	Kinh tế vĩ mô	3
2	Kinh tế phát triển	3
3	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>9</b>

- Thí sinh thuộc nhóm ngành khác, phải học bổ sung các học phần theo bảng 2.

**Bảng 2: Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc nhóm chuyên ngành khác**

STT	Môn học	Số TC
1	Kinh tế vĩ mô	3
2	Kinh tế phát triển	3
3	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
4	Kinh tế công	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>12</b>

## 2. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế nghiên cứu hướng đến việc cung cấp cho người học có được những kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu chuyên sâu những vấn đề có tính chất học thuật về quản lý kinh tế trên phạm vi quốc gia, vùng, địa phương, của các ngành, các lĩnh vực, các tổ chức trong nền kinh tế; Có khả năng nghiên cứu hoàn thiện các chính sách quản lý kinh tế, khả năng xây dựng các chính sách mới liên quan đến công tác quản lý kinh tế ở các cấp; Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện những vấn đề cần nghiên cứu thuộc chuyên ngành Quản lý kinh tế; Có đạo đức nghề nghiệp, khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời và khả năng cống hiến cho xã hội.

### 2.2. Chuẩn đầu ra

Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế nghiên cứu khi tốt nghiệp có các năng lực sau:



### 2.2.1. Kiến thức

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1	Nắm vững, tích lũy và nâng cao những kiến thức về khoa học quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng.
2	CDR2	Am hiểu các qui luật chung và đặc điểm riêng của các lĩnh vực kinh tế để phân tích, luận giải các chính sách, các hoạt động quản lý kinh tế.
3	CDR3	Có khả năng phát hiện các vấn đề trong hoạt động quản lý kinh tế. Có kiến thức và năng lực nghiên cứu vấn đề quản lý ở quy mô một tổ chức kinh tế cũng như quy mô quản lý cấp quốc gia, tỉnh, huyện.
4	CDR4	Có tư duy phản biện, có kiến thức và năng lực nghiên cứu để phân tích, đánh giá các vấn đề về quản lý kinh tế trong môi trường đổi mới và hội nhập quốc tế.
5	CDR5	Làm chủ kiến thức lý thuyết của chuyên ngành, hình thành và phát triển ý tưởng khoa học mới, kiến thức mới về quản lý kinh tế.

### 2.2.2. Kỹ năng

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CDR6	Có kỹ năng phát hiện, đánh giá, phản biện được các vấn đề thực tiễn về quản lý kinh tế, nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chính sách quản lý kinh tế mới.
2	CDR7	Có kỹ năng tư duy, nghiên cứu các vấn đề học thuật thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế nhằm hoàn thành tốt mục tiêu cần nghiên cứu.
3	CDR8	Có kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ, phương pháp nghiên cứu tiên tiến. Có kỹ năng tốt trong làm việc nhóm, giao tiếp và diễn thuyết.
4	CDR9	Có kỹ năng đọc hiểu, viết, giao tiếp và nghiên cứu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh theo chuẩn B1 Châu Âu.

### 2.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về đạo đức nghề nghiệp
1	CDR10	<b>Tuân thủ quy định của pháp luật:</b> Nhận thức đúng đắn và gương mẫu, thực hiện các hành vi phù hợp với qui định của pháp luật
2	CDR11	<b>Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp:</b> Yêu thích và tâm huyết với nghề nghiệp, trung thực, tự chủ, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, ý thức kỷ luật cao.

2/2

3	CDR12	<b>Tinh thần phục vụ cộng đồng:</b> Nuôi dưỡng khát vọng cống hiến, vươn lên và tinh thần phục vụ cộng đồng. Hành vi theo đúng chuẩn mực xã hội, vì lợi ích quốc gia và cộng đồng.
---	-------	--

### 3. Chương trình đào tạo

#### 3.1. Kiến thức chung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT5001	Triết học	4
		<b>Tổng</b>	<b>4</b>

#### 3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

##### 3.2.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
02	ECO5005	Kinh tế học vĩ mô	3
03	MGT5002	Kinh tế học vi mô	3
04	STA5006	Kinh tế lượng	3
05	MGT5003	Lãnh đạo	3
06	RMD5003	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	3
07	ECO5013	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
08	MGT5010	Quản trị học	3
		<b>Tổng</b>	<b>21</b>

##### 3.2.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 16 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
09	ECO5001	Chính sách công	3
10	ECO5002	Dự báo phát triển kinh tế – xã hội	3
11	HRM5001	Hành vi tổ chức	3
12	ECO5008	Kinh tế nông nghiệp	3
13	ECO5009	Kinh tế phát triển	3
14	IBS5001	Kinh tế quốc tế	3
15	MGT5006	Quản trị chiến lược	3
16	HRM5002	Quản trị nguồn nhân lực	3
17	MGT5012	Quản trị sản xuất	3
18	MGT5013	Ra quyết định quản trị	3
		<b>Tổng</b>	<b>16</b>

### 3.3. Luận văn tốt nghiệp

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
19	ECO6002	Luận văn tốt nghiệp	20
		<b>Tổng</b>	<b>20</b>

### 4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Học viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học bậc Tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

### 5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Học viên ra trường có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí công tác với tư cách là chuyên gia nghiên cứu, tư vấn chính sách quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước; tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Viện nghiên cứu.

*NV*



